

Bản án số: 342/2018/HC-PT

Ngày 15-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 102/2018/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2018 về việc “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại” do có kháng cáo của người khởi kiện là bà Trần Thị B và kháng nghị số 01/QĐKNPT-VC1-HC ngày 8/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5027/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị B

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị D, Văn phòng Luật sư D; Địa chỉ: thành phố L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Khối II, Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh D - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai (theo văn bản ủy quyền số 1433/QĐ-UBND ngày 17/5/2018), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Xuân D, Văn phòng Luật sư Q. Địa chỉ: thành phố L, tỉnh Lào Cai; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng Kh - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Lào Cai, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Xuân D, Văn phòng Luật sư . Địa chỉ: thành phố L, tỉnh Lào Cai, có mặt.

2. Anh Trần Việt B, chị Trần Thị H. Cùng địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Việt B, chị Trần Thị H là bà Trần Thị B, địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai (theo văn bản ủy quyền ngày 21/4/2017), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện bà Trần Thị B trình bày:

Gia đình bà B có khoảng 2,5 ha đất tại thôn Minh Tân, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai được khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1960 cho đến nay không có tranh chấp. UBND huyện B đã thống kê, thu hồi và bồi thường nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/03/2003, thu hồi 1.720m² đất vườn tạp dốc, đất ao 200m², đất nương rẫy 2.700m², đất ở 400m².

Thu hồi 2.000m² đất trồng cây mỡ đã nhận tiền bồi thường về cây cối, nhưng chưa được nhận tiền bồi thường về đất.

Lần 2: Năm 2004 thu hồi đất lúa 2 vụ 1.424m², mới nhận được tiền đối với 1.224m² đất lúa, còn thiếu 200m² chưa được nhận tiền.

Lần 3: Ngày 28/9/2009, thu hồi đất nông nghiệp 3.016m², đất nương rẫy 510m², đất lúa 120m².

Ngoài ra, còn 01 mảnh nương diện tích 3.000m² tại khu vực đập thải số 3 hiện bị ngập nước chưa được bồi thường, 02 mảnh nương sản diện tích 2.859m²

đã đo năm 2013 mô đồng đã sử dụng nhưng chưa được nhận tiền bồi thường, 01 mảnh nương diện tích 6.500m² khu vực nhà mẫu chưa được bồi thường. Tất cả diện tích trên đều có xác nhận của các hộ liên kề và trưởng thôn Minh Tân.

Bà B đã nhiều lần làm đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 23/12/2014, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 5519/QĐ-UBND với nội dung không công nhận khiếu nại của gia đình bà. Bà B tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai. Ngày 29/5/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 1573/QĐ-UBND với nội dung xác nhận việc UBND huyện B có giao chậm quyết định thu hồi đất nhưng vẫn giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B.

Bà B không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai nên ngày 27/5/2016, bà khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai yêu cầu hủy quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc giải quyết khiếu nại đối với bà và buộc UBND huyện B thực hiện việc giao quyết định thu hồi đất và thực hiện thống kê, bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà theo quy định.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai do ông Nguyễn Thanh D- Phó chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai làm đại diện trình bày:

Về nội dung bà B đề nghị có quyết định thu hồi đất gửi cho gia đình bà: UBND huyện B trong quá trình thu hồi đất đã không ban hành quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ mà chỉ ban hành một quyết định thu hồi đất chung cho các hộ có đất bị thu hồi, không kịp thời gửi quyết định thu hồi cho người có đất bị thu hồi theo quy định. Đến nay bà B đề nghị có quyết định thu hồi đất gửi cho gia đình bà là không thể thực hiện được.

Về nội dung bà B cho rằng không nhận được các chính sách tái định cư và các chính sách hỗ trợ: Đối với chính sách hỗ trợ năm 2003 gia đình bà B đã được hỗ trợ di chuyển, di chuyển đường điện sinh hoạt, hỗ trợ ổn định sản xuất, di chuyển mộ là 6.520.000 đồng. Thời điểm này được áp dụng theo Quyết định số 210/1998/QĐ-UBND ngày 27/8/1998 và Quyết định số 293/2001/QĐ-UBND ngày 10/9/2001 của UBND tỉnh Lào Cai. Đối với các chính sách tái định cư thì bà B nhận tiền đền bù về đất ở và không có ý kiến gì về nhận đất tái định cư nên UBND huyện B không cấp đất tái định cư là có căn cứ pháp luật.

Về nội dung khiếu nại UBND huyện B thu hồi nhiều diện tích trồng cây sắn, ngô của gia đình bà nhưng chưa được bồi thường: Những diện tích đất trên bà B không có giấy tờ về đất để chứng minh nguồn gốc đất làm căn cứ đề nghị

thu hồi, bồi thường và cũng không có xác nhận của UBND xã C nên UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường là đúng pháp luật.

Sau khi có Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015, UBND tỉnh Lào Cai tiếp tục chỉ đạo UBND huyện B rà soát về chế độ chính sách bồi thường hỗ trợ tái định cư trên địa bàn huyện B. Qua rà soát phát hiện gia đình bà B bị thu hồi đất năm 2009 có tỷ lệ mất đất nông nghiệp trên 30% nhưng không được hỗ trợ nên ngày 28/9/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 3179/QĐ-UBND sửa đổi Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 với nội dung công nhận nội dung khiếu nại của bà B về chính sách hỗ trợ đối với người có đất nông nghiệp bị thu hồi năm 2009 là đúng. Yêu cầu UBND huyện B tính toán bổ sung chi trả tiền hỗ trợ cho bà B theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015, và Quyết định số 3179/QĐ-UBND sửa đổi quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 về việc giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện B do ông Nguyễn Quốc Huy- Phó Chủ tịch UBND huyện làm đại diện trình bày:

UBND huyện B trong quá trình thu hồi đất đã không ban hành quyết định thu hồi riêng cho từng hộ và không kịp thời gửi quyết định thu hồi cho người có đất bị thu hồi là đúng. Đến nay bà B đề nghị có quyết định thu hồi đất gửi cho gia đình bà là không thực hiện được. Tuy nhiên sau khi có khiếu nại của bà B, UBND huyện B đã triển khai giao các quyết định thu hồi đất chung cho nhiều hộ, kèm theo quyết định là danh sách cụ thể của từng hộ gia đình có đất bị thu hồi nhưng bà B không nhận với lý do việc thu hồi đất của bà đã quá lâu rồi. Đối với các chính sách hỗ trợ, Hội đồng bồi thường huyện B đã thống kê, kiểm tra, áp giá và gia đình bà B đã được hỗ trợ đầy đủ theo quy định. Tại thời điểm bồi thường, gia đình bà thống nhất với Hội đồng bồi thường nhận tiền và tự lo chỗ ở không có ý kiến về việc xin cấp tái định cư nên không bố trí tái định cư cho gia đình bà.

Đối với các diện tích đất gia đình bà B cho rằng chưa được thống kê bồi thường: Về giấy tờ pháp lý chứng minh việc sử dụng đất của gia đình bà B đều không có và không được UBND xã C xác nhận. Đối với các diện tích đất đủ điều kiện để thu hồi và đền bù, UBND huyện B trong quá trình thống kê, bồi thường đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định và đã thực hiện việc bồi thường cho gia đình bà Trần Thị B. Diện tích đất gia đình bà B khởi kiện, bà B không có giấy tờ để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nên UBND huyện

B không ban hành quyết định thu hồi đất, thống kê đền bù đối với những diện tích trên. Cụ thể:

Đối với diện tích 1424m² đất ruộng:

Trong quá trình thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi thường có sự chênh lệch về diện tích đất giữa thông báo thu hồi đất với diện tích đất trong quyết định thu hồi đất vì khi ban hành thông báo thu hồi đất, UBND huyện B căn cứ vào diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và kê khai của các hộ nhưng khi ban hành quyết định thu hồi đất thì ghi theo diện tích thực tế đo đạc. Vì vậy, trong thông báo thu hồi đất của bà B là 1.424m² nhưng theo quyết định thu hồi đất chỉ còn 1.224m² vì đo đạc trên thực tế chỉ có 1.224m². Căn cứ vào diện tích thực tế sử dụng UBND huyện B chỉ đền bù cho bà B đối với diện tích 1.224m² là đúng theo quy định.

Đối với diện tích 1.080m² đất nương rẫy:

Tại biên bản làm việc ngày 30/6/2013, bà B đã ký xác nhận diện tích 1.080m² nằm trong diện tích 2.700m² đất đã được đền bù năm 2003.

Đối với diện tích 640m² đất nương:

Diện tích 640m² đất nương không phải của gia đình bà B, bà B cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đất này, đất là do UBND xã C quản lý. Vì vậy, không có căn cứ bồi thường cho bà B.

Đối với diện tích 2.960m² đất nương ngô:

Năm 2009 đã thống kê đền bù tất cả các diện tích đất mà gia đình bà B sử dụng ổn định, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có xác nhận của UBND xã C. Bà B không đưa ra được chứng cứ chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất này nên không có căn cứ bồi thường. Diện tích đất này đã được giao cho Mô đồng quản lý.

Đối với diện tích hơn 9000m² đất nương (gồm 3000m² nương ngô và 6000m² trồng sắn):

Đất này do UBND xã C quản lý không phải đất của bà B, đất hiện đã giao cho Mô đồng và đã bị ngập thải.

UBND huyện B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 09/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/11/2017, bà Trần Thị B có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện B và không đưa Công ty mỏ tuyển đồng S Lào Cai vào tham gia tố tụng. Đồng thời, không đánh giá khách quan về nguồn gốc đất gia đình bà sử dụng ổn định từ trước năm 1993, có xác nhận của các hộ liên kề và trưởng thôn đủ điều kiện bồi thường, nhưng không được thống kê, bồi thường để bác yêu cầu của bà và có nhiều mâu thuẫn trong vụ án chưa được xem xét đối chất, làm rõ.

Tại Quyết định số 01/QĐKNPT-VC1-HC ngày 08/12/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử theo thủ tục phúc thẩm, hủy bản án sơ thẩm nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử theo đúng quy định của pháp luật với lý do xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai và đưa thiếu người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Trần Thị B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm để làm rõ nguồn gốc đất; xem xét thực tế diện tích đất của bà Th, bà B, bà Nhẫn và tiến hành đối chất giữa các đương sự để làm rõ có hay không có việc chi trả nhằm tiền bồi thường do đất bị thu hồi; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện B và đánh giá đúng tư cách tham gia tố tụng của Tổng Công ty khoáng sản Việt Nam và Công ty mỏ đồng S để làm rõ quyền và trách nhiệm của các đơn vị này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và Ủy ban nhân dân huyện B trình bày: Các diện tích bà B khởi kiện đều nằm trong khu vực bãi thải. Đối với diện tích đất bà B đủ điều kiện đền bù, Ủy ban nhân dân huyện B đã cho kê khai và đã được thống kê, đền bù; còn các diện tích đất bà B yêu cầu thống kê, đền bù nhưng không có căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nên không có căn cứ đền bù. Các yêu cầu của bà B và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà B đưa ra là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phát biểu ý kiến về việc Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính đã kết luận như sau: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng nên giữ nguyên quan điểm như nội dung kháng nghị đã nêu. Đồng thời, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm còn chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ đối với các nội dung như đơn kháng cáo của bà B nêu ra là có căn cứ để đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án hành chính sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Quyết định số 3179/QĐ-UBND sửa đổi Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

Bà Trần Thị B yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai ban hành quyết định thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà và thực hiện thống kê, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định của pháp luật, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

Các yêu cầu khởi kiện của bà B thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết theo quy định tại Điều 30; Điều 32 Luật tố tụng hành chính là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/5/2016, bà Trần Thị B có đơn khởi kiện; sau đó vào các ngày 20/7/2016, ngày 03/8/2016 bà B có đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc giải quyết khiếu nại đối với

bà Trần Thị B và Quyết định sửa đổi số 3179/QĐ-UB ngày 28/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (BL855); yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà và thực hiện việc thống kê, bồi thường, hỗ trợ tái định cư là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Bà Trần Thị B khởi kiện với hai yêu cầu đó là: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của gia đình bà; thực hiện thống kê, bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không chính xác.

Thực hiện dự án xây dựng khu khai thác mỏ, tuyển khoáng và các công trình phụ trợ mỏ đồng S - Tổ hợp đồng S- Lào Cai; ngày 29/9/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 2401/QĐ-CT cho Tổng công ty khoáng sản Việt Nam thuê đất tại xã Bản Vược và xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai (BL611). Ngày 09/02/2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai (BL950) và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất thuê tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai cho Tổng công ty khoáng sản-TKV (BL829-831). Ngày 28/12/2006, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lào Cai; Ủy ban nhân dân xã C và đại diện Tổng công ty khoáng sản Việt Nam-TKV đã lập biên bản tiến hành xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu đất cho Tổng công ty khoáng sản Việt Nam thuê. Tại biên bản này thể hiện có một phần diện tích đất có rừng trồng và nương rẫy do các hộ dân đang quản lý sử dụng, đề nghị Công ty mỏ tuyển đồng S phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân xã C hoàn tất thủ tục bồi thường và giải phóng mặt bằng theo quy định (BL616). Như vậy, căn cứ nội dung các văn bản nêu trên thể hiện Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai mới chỉ xác định vị trí, ranh giới, diện tích khu đất cho Tổng công ty khoáng sản Việt Nam thuê, còn Công ty mỏ tuyển đồng S phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện B và Ủy ban nhân dân xã C thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng trên cơ sở bồi thường đến đâu, giao đất đến đó.

Quá trình thực hiện thu hồi đất và đền bù giải phóng mặt bằng, Công ty mỏ đồng S là thành viên của Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng tham gia cùng với các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân huyện B, Ủy ban nhân dân xã C thực hiện kiểm tra, thống kê đền bù đối với các hộ có đất bị thu hồi (BL114) và trực tiếp chi trả tiền đền bù với tư cách là chủ đầu tư theo Quyết định số 2901/QĐ-CT ngày 18/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai (BL435) và Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 28/20/2015 của Ủy ban nhân dân huyện B (BL277). Đồng thời, Công ty mỏ đồng S cũng đang quản lý, sử dụng các diện tích đất bà B đang khiếu nại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty mỏ đồng S vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và kháng cáo của bà Trần Thị B về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện B và không đưa Công ty mỏ đồng S Lào Cai tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về tố tụng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định giải quyết khiếu nại số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 29/5/2015:

Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 1573/QĐ-UBND: Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của bà Trần Thị B là đúng với quy định tại Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Bà B cho rằng gia đình bà khai hoang đất từ năm 1960 đến nay không có tranh chấp. Khi thực hiện dự án Mỏ đồng S tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai, Ủy ban nhân dân huyện B đã thu hồi đất của gia đình bà nhiều lần, các lần thu hồi đều xác định có việc kê khai cụ thể và đã được thống kê bồi thường. Tuy nhiên, bà B cho rằng còn thiếu một số diện tích đất bà đã kê khai nhưng chưa được bồi thường và một số diện tích đất chưa được thống kê, đền bù.

[2.2.1] Đối với các diện tích đất bà B cho rằng đã kê khai, nhưng vẫn còn một số diện tích đất bồi thường còn thiếu: Tại Biên bản làm việc ngày 30/6/2013 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, Công ty mỏ đồng S, Chính quyền xã C và bà B về việc kiểm tra, rà soát lại diện tích đất thu hồi trong thông

báo, quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện trong năm 2002-2003 (BL641) và Biên bản đối thoại ngày 20/6/2017 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Ủy ban nhân dân huyện B và bà B (BL559) đã thể hiện rõ từng diện tích đất đã bị thu hồi nhưng chưa được bồi thường. Nội dung các biên bản này đều xác định diện tích đất bà B trồng cây mỡ đã được đền bù về cây mỡ, chưa được đền bù về đất và cho rằng diện tích đất này do UBND xã quản lý, bà B không chứng minh được quyền sử dụng diện tích đất này nên không có căn cứ bồi thường, là có sự mâu thuẫn với thực tế sử dụng đất của bà B. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của bà B đối với diện tích đất này, mà đã bác yêu cầu khởi kiện của bà B là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B.

[2.2.2] Đối với các diện tích đất gồm 01 mảnh nương 3.000m² tại khu vực đập thải 3 hiện bị ngập nước; khoảng 2.960m² đất (đo năm 2013 còn 2459m²) ở đuôi thải số 1 gọi là chân đồi chót C1 (có trong sơ đồ thu hồi đất năm 2009) và 6.500m² ở khu nhà mẫu, bà B cho rằng Ủy ban nhân dân huyện B đã lấy giao cho Công ty mỏ tuyển đồng S, nhưng không thực hiện việc thống kê, bồi thường, ra quyết định thu hồi đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bà B cho rằng gia đình bà khai hoang và sử dụng ổn định liên tục các diện tích đất này từ trước năm 1990, không có tranh chấp, có xác nhận của các hộ liền kề và trưởng thôn (BL28), nhưng Ủy ban nhân dân huyện B và Công ty mỏ đồng tự ý lấy đất của bà sử dụng, san gạt làm đập tràn, đổ mà không thống kê, bồi thường cho bà (BL45,89,860). Trong khi đó, Ủy ban nhân dân huyện B xác định tất cả các diện tích bà B chứng minh được đất của bà sử dụng đều được Ủy ban nhân dân huyện thống kê, đền bù; còn những diện tích bà B không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp nên Ủy ban nhân dân huyện không có căn cứ để thống kê, đền bù (BL631, 849). Kết quả kiểm tra hồ sơ địa chính, bản đồ đo đạc tại Ủy ban nhân dân xã C để xác định các diện tích bà B có yêu cầu thống kê, bồi thường thể hiện Ủy ban nhân dân xã C chỉ có bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg đối với diện tích đất trồng lúa nước từ năm 1996, không có bản đồ đo đạc cho tất cả các loại đất; các sổ địa chính và sổ mục kê của xã không thể hiện và ghi chép các diện tích đất này (BL651, 824). Như vậy, căn cứ Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg và hồ sơ địa chính thì Ủy ban nhân dân xã C chỉ quản lý đối với diện tích đất trồng lúa; các sổ mục kê, sổ địa chính năm 1998 cũng chỉ ghi chép việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các loại đất thổ cư, đất vườn, đất cây lâu năm, đất màu và đất ao cho các hộ ở thôn Minh Tân; không có tài liệu, sổ sách thể hiện Ủy ban nhân dân xã quản lý đối với các diện tích đất nương do các hộ dân khai phá. Thực tế, một số người làm chứng là ông NLC1, NLC2, NLC3, NLC4 đều xác định bà B khai phá đất trước năm 1990

(PTST-BL856, 546); Biên bản thẩm định ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai thể hiện bà B có trồng cây Ngô trên diện tích 2.960m² (BL546).

Mặc dù bà B không có giấy tờ pháp lý đối với diện tích đất bị thu hồi, nhưng thực tế việc bà B khai hoang và sử dụng đất trước thời điểm năm 1993 được một số nhân dân trong xã xác nhận; Ủy ban nhân dân huyện B cũng không xuất trình được các tài liệu, căn cứ chứng minh diện tích đất bà B yêu cầu thống kê, đền bù thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ủy ban nhân dân cấp xã C. Do đó, cần phải tiến hành thu thập các tài liệu chứng minh nguồn gốc, diễn biến và quá trình sử dụng diện tích đất trên từ giai đoạn đăng ký, kê khai theo Chỉ thị 299/TTg (1984-1985) để xác định rõ ai là người đăng ký quản lý, sử dụng thực tế các diện tích đất này làm căn cứ đền bù khi thu hồi đất.

Mặt khác, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2017 bà Dương Thị Th, ông NLC2 cũng xác định các diện tích Tòa án thẩm định có nguồn gốc là của bà B sử dụng từ trước năm 1993 và diện tích 2.960m² đất của bà B giáp với đất của hộ bà Th, ông N (BL546). Tại phiên tòa sơ thẩm bà B xác định diện tích 2.960m² đất thuộc thửa đất số 09 sơ đồ số 146, tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện B đã khẳng định thửa đất trên đã bồi thường cho bà Th. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th và bà B đều khẳng định gia đình các bà có thửa đất liền kề nhau, phù hợp với biên bản xem xét thẩm định ngày 31/5/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai. Đồng thời, bà Th cũng xác nhận đã nhận tiền đền bù đối với 7.964m² trong tổng diện tích hơn 1ha đất thuộc thửa đất của bà. Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu Văn Tường-nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (tham gia phiên tòa theo sự phân công của Chủ tịch UBND huyện B) cung cấp sơ đồ thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân tại xã C kèm theo TTr số 48/TTr-UBND ngày 14/7/2009 và xác định sơ đồ này giống với sơ đồ số 146, nhưng sơ đồ này lại thể hiện các thửa đất của gia đình bà B và bà Th không liền nhau. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ bà B và bà Th có thửa đất liền nhau, hay sơ đồ đất do UBND huyện B cung cấp là đúng.

Đối với diện tích 6.500m² bà B yêu cầu được thống kê, đền bù thuộc thửa số 14 sơ đồ số 146; Ủy ban nhân dân huyện B xác định thửa đất trên đã bồi thường cho bà N. Tuy nhiên, tại Biên bản thẩm định ngày 31/5/2017, ông Trần Quý T- Phó giám đốc Công ty mỏ đồng S cũng đã xác định tại thời điểm thống kê đền bù thì diện tích đất này đã bị ngập thải. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B xác định không có thửa đất nào giáp với đất của bà Nhẫn, ông Lưu Văn T1- đại diện Ủy ban nhân dân huyện cũng xác định diện tích đất này đã bị ngập thải, nhưng cũng không được xác minh làm rõ có hay không có việc bà Nhẫn sử dụng

diện tích đất này khi mà tại thời điểm thu hồi đất diện tích đất này đã bị ngập thải toàn bộ.

Như vậy, có sự mâu thuẫn về nguồn gốc và diện tích đất đối với thửa đất số 9 và số 14 bà B yêu cầu thống kê, đền bù đã được bồi thường cho người khác, nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, đối chất giữa các đương sự (Th-B- N- UBND huyện- Công ty mỏ đồng S) để làm rõ có hay không có việc chi trả nhằm tiền đền bù đối với thửa đất số 9, có việc bồi thường tiền thu hồi đất trùng nhau cũng như người quản lý, sử dụng thực tế diện tích đất thuộc thửa số 14 trước thời điểm thu hồi đất.

Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng và việc thu thập chứng cứ chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được; vì vậy cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án mới đảm bảo giải quyết được triệt để vụ án và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và đơn kháng cáo của bà B.

Về án phí: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên bà B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VC1-HC ngày 08/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị B.

Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai về vụ án “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại” giữa người khởi kiện là bà Trần Thị B và người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện B, anh Trần Việt B và chị Trần Thị H.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí: Bà B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho bà B 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/0000191 ngày 01/12/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phương Hạnh